

## Dân số và đô thị hóa ở Việt Nam

DEAN FORBE\* VÀ TERRY HULL\*\*

Nắm bắt được cơ cấu và những nguyên nhân của vấn đề phát triển dân số và đô thị hóa là những cứ liệu cơ bản cho chiến lược phát triển của Việt Nam. Chương trình động thái dân số quốc tế (IPDP) thuộc Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Australia là cơ quan điều phối cho hai dự án trợ giúp về chuyên môn nhằm mục đích nâng cao chất lượng phân tích dân số và kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Ngày 1/4/1989 vừa qua, Việt Nam đã tiến hành cuộc Tổng điều tra dân số. Số liệu bước đầu thu được cho thấy dân số cả nước là 64 triệu người, thấp hơn một chút so với nhiều dự đoán. Tuy nhiên, tỷ lệ phát triển dân số trung bình hàng năm được công bố chính thức là 2,1%, cao hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra trong kế hoạch của chính phủ là 1,7% mỗi năm.

Quy hoạch động dân số Liên hiệp quốc đã cử những đoàn thẩm định sang Việt Nam vào hai năm 1977 và 1981 với mục tiêu giúp Việt Nam giải quyết vấn đề dân số. Tháng 3/1987 một đoàn thẩm định khác lại đến Việt Nam, lần này trong thành phần đoàn có Tiến sỹ Terry Hun, người sau đó trở thành điều phối viên của chương trình IPDP ( ANU ).

Trong số những dự án do đoàn thẩm định xây dựng, có một dự án hỗ trợ cho Viện Xã hội học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam và một dự án cho Viện Quy hoạch nông thôn đô thị quốc gia trực thuộc Bộ Xây dựng. Mặc dù đều đặt trụ sở tại Hà Nội, cả hai Viện đều có chức năng hoạt động trên phạm vi toàn quốc. Sự khác nhau giữa hai Viện này là Viện Quy hoạch nông thôn - đô thị chịu trách nhiệm nghiên cứu, thiết kế và quản lý các kế hoạch và dự án trong khi vai trò cơ bản của Viện Xã hội học thuộc Viện Khoa học xã hội là nghiên cứu và cố vấn cho chính sách.

Cả hai dự án trên đã được chính phủ Việt Nam và các đại diện UNFPA tại Hà Nội và New York chuẩn y phê duyệt trong tài khóa giúp Việt Nam 1988-1991. IPDP đã được mời tham dự với tư cách là cơ quan điều phối cho hai dự án. Dự án của Viện Quy hoạch nông thôn - đô thị bắt đầu được triển khai vào tháng 9/1988 trong khi dự án của Viện Xã hội học được khởi đầu vào đầu năm 1989. Do vậy, cả hai dự án đều thực hiện muộn một nửa thời gian so với kế hoạch.

Mỗi dự án được xây dựng bao gồm nhiều bộ phận hợp thành chặt chẽ. Hoạt động phát triển nguồn nhân lực bao gồm việc tổ chức chuyến đi nghiên cứu Study Toái đến Australia và Indonesia cho các cán bộ dự án, cung cấp các học bổng ngắn hạn tại trường ANU và những khóa huấn luyện ngắn tiến hành tại Việt Nam. Những hoạt động trên được tăng cường thêm bằng việc cung cấp sách báo, tạp chí, trang thiết bị ( đặc biệt máy vi tính ) và xe ô tô .

Hoạt động nghiên cứu hợp tác tiến hành giữa các nghiên cứu viên Việt Nam và ANU là một hoạt động thực chất của hai dự án trên. Một mặt, đây là dịp cho các thành viên dự án áp dụng những kỹ năng lý thuyết chuyên môn và thực tế thu được qua việc huấn luyện vào nghiên cứu thực địa. Các hoạt động này tập trung vào việc thu thập, phân tích và giải thích số liệu, cùng với việc đề xuất các kế hoạch và chính sách mới. Mặt khác, đây cũng là dịp cho đội ngũ nghiên cứu của trường ANU tham gia vào các hoạt động dự án, ví dụ như những khóa huấn luyện ngắn hạn ở Việt Nam.

Thời gian làm việc tại Việt Nam thật hết sức lý thú! Từ năm 1979, các nhà kế hoạch hóa đã chủ trương xích

---

\* Tiến sĩ khoa học. Nghiên cứu viên cao cấp của Trường Nghiên cứu Thái Bình Dương thuộc Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Australia.

\*\* Tiến sỹ khoa học, Quyền trưởng ban Nghiên cứu biến đổi chính trị xã hội của Trường Nghiên cứu Thái Bình Dương thuộc Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Australia..

dẫn đến việc giải phóng nền kinh tế của đất nước. Đại hội Đảng VI năm 1986 đã khẳng định lại sự nghiệp cải tổ này dưới ngọn cờ đổi mới, hay cải tổ kinh tế hàng loạt các hoạt động đổi mới được giới thiệu bao gồm khoán sản xuất trong nông nghiệp luật đầu tư nước ngoài, hệ thống giá cả thị trường đối với các loại hàng thiết yếu. Người Việt Nam thường nói những cải tổ chủ yếu liên quan đến việc "xóa bỏ bao cấp" nhưng tác động đối với xã hội còn sâu sắc hơn nhiều với sự nổi lên rõ nét của tính công khai trong những năm vừa qua.

Do tốc độ và phạm vi của sự biến đổi, nghiên cứu kinh tế- xã hội đang ngày càng trở nên quan trọng hơn và dễ dàng hơn so với trước đây kể từ cuối những năm 70. Những dấu hiệu hứa hẹn của tính công khai bao gồm việc tiến hành và công bố rộng rãi cuộc Tổng điều tra dân số lần đầu tiên có tính tổng quát và hiện đại vào năm 1989, thể hiện một thái độ cởi mở hơn trước đây của các nhà chức trách đối với việc xuất bản các số liệu thống kê, cũng như cho thấy sự nới lỏng hơn trong việc kiểm soát các nghiên cứu điền dã thực địa. Mặc dù Việt Nam còn tiếp tục cất giữ thông tin chặt chẽ hơn so với phần lớn các nước Đông Nam Á khác, những thay đổi trên báo hiệu một triển vọng tốt đẹp đối với những học giả và kế hoạch gia nước ngoài trong nghiên cứu hợp tác với những đồng nghiệp Việt Nam.

Những biểu hiện mạnh mẽ của một tư duy mới đã được thấy trong hoạt động dự án của Viện Xã hội học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam xây dựng với mục đích tăng cường khả năng nghiên cứu dân số thực nghiệm. Trung tâm nghiên cứu dân số Viện Xã hội học đã tiến hành hai khóa huấn luyện ngắn hạn vào tháng 4/1989 và 4/ 1990 tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Các học viên đã tham dự những bài giảng về các vấn đề dân số cơ bản và đọc các tài liệu bằng tiếng Anh, tiếng Việt trên cơ sở phương pháp nghiên cứu dân số ở khu vực nông thôn .

Trong huấn luyện, tầm quan trọng của điều tra sâu cũng đã được nhấn mạnh làm sáng tỏ những nguồn tin mâu thuẫn nhau vốn thường tồn tại ở cấp cộng đồng. Điều này đòi hỏi phải có những cuộc phỏng vấn trực tiếp với bộ phận tiêu biểu chung cho mẫu đồng thời yêu cầu bảo đảm được độ tin cậy và ghi chép chính xác nhằm đạt được giá trị thông tin. Việc sử dụng các thủ tục chọn mẫu thích hợp cũng rất cần thiết để bảo đảm cho những người trả lời thực sự đại diện cho bộ phận tiêu biểu của mẫu nghiên cứu.

Tiếp thu những hoạt động trên lớp, các học viên đã về khu vực nông thôn cách thành phố Hồ Chí Minh 80 km tiến hành bài tập thực địa ngắn dưới sự theo dõi của giảng viên. Học viên đã tiến hành thu thập những số liệu sâu trong 3 ngày, sau đó tiếp tục phân tích và chuẩn bị một báo cáo về biến đổi dân số và xã hội. Việc tập trung vào viết báo cáo cuối khóa đã bắt buộc các học viên thấy được bài tập thực địa trên có giá trị hơn là một sự "thực hành", và nhìn chung họ đã bắt tay vào việc với sự nghiêm túc, cũng như quan tâm đến nguyên tắc nghề nghiệp được dạy trên lớp. Nhiều học viên trẻ đã nghiên cứu khảo sát ở nông thôn trước đây rất đổi ngạc nhiên tìm ra nhiều phát hiện mới về thực chất của xã hội nông dân khi được khuyến khích xem xét những vấn đề biến đổi xã hội theo một "cách nhìn của người nông dân". Tất nhiên, một khóa huấn luyện trong hai tuần không thể giúp trang bị một cơ sở trọn vẹn về chuyên môn xã hội học nông thôn nhưng nó đã thực sự đánh thức mối quan tâm đến một hướng nghiên cứu khác có thể được tiếp tục duy trì qua tham khảo sách báo, đào tạo sau đại học và qua nghiên cứu điền dã trong tương lai. Việc huấn luyện trên thực địa có một tác động ngay đối với cán bộ Viện Xã hội học trong việc nhận thấy những tồn tại và b tắc khi phân tích những số liệu điều tra, khảo sát. Kết quả là các cán bộ của Viện đang ngày càng chủ động thông qua những hợp đồng nghiên cứu để tiến hành phân tích những chiều hướng biến đổi của mức độ sinh và kế hoạch hóa gia đình ở Việt Nam, đặc biệt là vai trò biến đổi của người phụ nữ trong nền kinh tế và ảnh hưởng của nó đến sự biến đổi dân số. Đồng thời với việc chứng minh rằng mức sinh đang có xu hướng giảm và việc sử dụng các biện pháp tránh thai tăng lên, các cán bộ của Viện đã có khả năng sử dụng những ý kiến phê bình mang định hướng thực tế nhằm nhắc nhở những nhà hoạch định chính sách rằng hiện còn rất nhiều trở ngại về văn hóa, xã hội bên trong cho việc đạt được một chương trình kế hoạch hóa gia đình thành công trên phạm vi toàn quốc. Vào đầu năm 1990, ý kiến trên đã được tiếp thu bởi những cấp cao nhất của chính phủ Việt Nam, hiện đang hết sức cố gắng tìm ra một định hướng mới đối với chương trình kế hoạch hóa gia đình, giúp cho chương trình này phù hợp hơn với những thực tiễn xã hội của đất nước. Trên quan điểm của các cán bộ Viện xã hội học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam, đây là một bằng chứng mạnh mẽ của những nỗ lực đã làm trong việc huấn luyện khoa học xã hội về vấn đề dân số.

Viện Quy hoạch nông thôn - đô thị quốc gia đặt sự quan tâm nhiều hơn đến mô hình phân bố dân cư so với vấn đề dân số nói chung ở Việt Nam. Những chính sách đô thị hóa từ sau ngày giải phóng đã tập trung vào sự phát triển đô thị. Về mặt này, người Việt Nam đã rất thành công trong việc hạn chế tỷ lệ phát triển dân số đô thị xuống còn 2,3% mỗi năm, chỉ cao hơn một chút so với tỷ lệ phát triển dân số toàn quốc.

Tuy nhiên, công việc đổi mới có ý nghĩa rằng những sức ép phát triển nhanh đô thị đang ngày càng tăng, tạo ra nhiều khó khăn cho công tác quy hoạch có hiệu quả các tỉnh thành. Hiện nay việc đăng ký hộ khẩu cho các cư dân ở những thành phố lớn có phần dễ dàng hơn trước. Việc triển khai những thị trường tự do kinh doanh gạo và những thực phẩm khác đã làm suy giảm ảnh hưởng của Nhà nước trong việc di động dân cư, vốn trước đây được thực hiện bởi việc hạn chế các hàng hóa thiết yếu. Nhiều hoạt động kinh tế mới, đặc biệt khả năng đầu tư của nước ngoài ngày càng tăng đã tạo thêm sự phức tạp cho công tác quy hoạch đô thị.

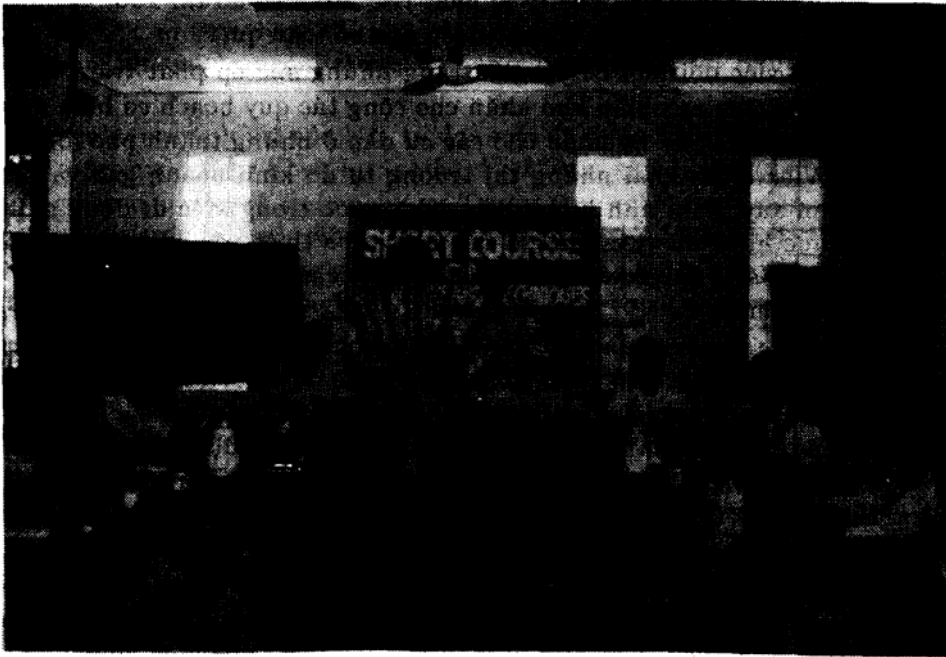
Hoạt động hợp tác nghiên cứu với Viện Quy' hoạch nông thôn - đô thị quốc gia hiện đang tập trung vào việc xuất bản cuốn sách tra cứu về đô thị Việt Nam (*VietNam Urban Databook*). Cuốn sách này nhấn mạnh vào việc phân tích những đặc điểm dân số và nguồn lao động của 8 tỉnh thành ở Việt Nam, cùng với những dự báo cho thập kỷ sau. Cơ cấu dân số và xã hội cùng với xu hướng vận động của dân số đô thị sẽ được đặc biệt nhấn mạnh trong thời gian tới. Những dự báo cũng sẽ tiến hành trên cơ sở khu vực nhằm ăn khớp với những đòi hỏi của quy hoạch vận tải.

Giờ đây, khi sự nghiệp đổi mới đang diễn ra mạnh mẽ cơ cấu nguồn lao động ở các thành phố của Việt Nam ngày càng trở nên phức tạp hơn. Khu vực phi sản xuất hiện đang là một nét đặc trưng chủ yếu của những thành phố lớn. Khu vực dịch vụ đang phát triển, hoạt động đa nghề nghiệp phát triển tràn lan trong khi khu vực kinh tế tư nhân cũng gia tăng. Những cơ hội kinh tế đang biến đổi cùng tới sự di cư ồ ạt vào các thành phố sau một thời gian hơn mười năm bị kiểm soát hiện đang gây sức ép cho mô hình phân bố dân cư. Những mô hình đi tìm việc làm mới đang được hình thành trong khi vấn đề thất nghiệp và không có việc hiện lại đang gia tăng.

Hoạt động hợp tác nghiên cứu khởi đầu chậm trễ bởi hai lý do: nguyên nhân đầu tiên và quan trọng nhất là vì việc thành lập cơ sở nghiên cứu (ví dụ như khóa huấn luyện ngắn hạn, phát triển trang thiết bị và thư viện) hiển nhiên phải đi trước hoạt động nghiên cứu.

Nguyên nhân thứ hai là do những kết quả cuộc tổng điều tra dân số 1989 nhằm cung cấp những số liệu định hướng cơ bản cho việc phân tích, hiện mới chỉ bước đầu có thể sử dụng. Tuy nhiên, Viện Quy hoạch nông thôn - đô thị quốc gia đã thành lập mười đội nghiên cứu, mỗi đội bao gồm từ 2 đến 3 nghiên cứu viên chịu trách nhiệm viết cuối sách tra cứu. Những số liệu chuẩn hóa đã được thu thập từ những tỉnh thành thuộc chương trình dự án, đồng thời việc lập băng các số liệu đã được Viện đặt hàng ở Tổng cục thống kê. Một cuốn sách tra cứu sẽ được tiến hành giữa các đồng nghiệp Việt Nam và các nhà khoa học Australia. Việc phân tích tiến hành ở Canberra sẽ nhấn mạnh vào hai thành phố: Hà Nội và có thể là Huế để cung cấp một mô hình cho việc phân tích các thành phố còn lại. Cả hai dự án đều tìm cách kết hợp việc phân tích và nghiên cứu thực nghiệm với sự phát triển dân số và các chương trình, chính sách đô thị hóa nhằm góp phần vào sự phát triển kinh tế đất nước. Tuy có nhiều 'hạn chế trong việc thực hiện những dự án tương đối nhỏ trong thời gian 4 năm, tình hình hiện nay ở Việt Nam cho thấy những điều đáng lạc quan. Những cố gắng này sẽ tạo cơ sở chắc chắn cho nỗ lực tổng hợp và to lớn hơn nhằm xây dựng nên một cộng đồng mạnh mẽ các nhà khoa học xã hội được đào tạo, và sẽ đảm bảo cho những chính sách dân số được hoạch định tốt hơn và thích hợp hơn cho Việt Nam đất nước hiện đông dân thứ hai trong khu vực Đông Nam Á.

- Người dịch : ĐẶNG NGUYỄN ANH



Lớp huấn luyện ngắn hạn về kỹ thuật phỏng vấn nhóm do chuyên gia Australia hướng dẫn trong khuôn khổ Dự án VIE/88/P05 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 9/4/1990.